TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-PT
Ngày: 18-6- 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thị Hải Dương
Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu; Ông Nguyễn Văn Nghĩa.
- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến -Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương Nhung, Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLPT - DS ngày 27 tháng 2 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 919 /2023/QĐXXPT - DS, ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số h đường L, phường T, quận B thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức A – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh B. Địa chỉ: Số bb, đường H, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân H: Bà Lê Thị Nguyệt Ng, Nơi cư trú: Tiểu khu b, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2022) – có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 và bà Lê Thị H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình - Hợp đồng ủy quyền ngày 12/01/2023, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:
Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H đã tự nguyện vay vốn đóng mới tàu đánh

cá theo Nghị định 67 tại Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số: 01/67/HĐTD ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/HĐSĐBS ngày 05 tháng 06 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67ATC/HĐSĐBS ngày 15 tháng 09 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/HĐSĐBS -TD ngày 10 tháng 06 năm 2019, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01A/2019/HĐSĐBS - TD ngày 09 tháng 12 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01C/2020/HĐSĐBS - HĐTD ngày 05/8/2020 với số tiền vay: 7.875.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn); Số tiền giải ngân thực tế: 7.851.334.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, tám trăm năm mươi mốt triệu ba trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn). Mục đích vay: Đóng mới tàu cá theo Nghị Định 67/2014/NĐ - CP; thời hạn vay 11 năm (132 tháng); lãi suất 7%. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn Q - bà Lê Thị H đã trả được số tiền: 3.839.177.328 đồng. Trong đó: Số tiền gốc đã trả: 1.755.314.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 2.083.863.328 đồng (lãi được Nhà nước hỗ trợ: 1.257.699.044 đồng, lãi khách hàng đã trả: 826.164.824 đồng). Ngày trả nợ lãi gần nhất: 19/08/2020 trả lãi đến ngày 10/04/2020; Ngày trả nợ gốc gần nhất: 17/12/2021; Chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 19/06/2020; Dư nợ đến 30/09/2022: 6.096.020.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Để bảo đảm cho khoản vay, ông Q và bà H đã thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vay vốn) là Tàu cá theo mẫu thiết kế: ĐD – QB - 04-67, số đăng ký: QB 92228 TS do Chi cục KT&BVNL Thủy sản Quảng Bình cấp ngày 23 tháng 05 năm 2016 tại các Hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/67/HĐTC ngày 01 tháng 12 năm 2015 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng T, số công chứng: 2763, quyển số 08/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 01/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng có số đăng ký là 1198592727 ngày 02/12/2015. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67A/HĐSĐBS ngày 15 tháng 09 năm 2016 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1196, quyển số 09/TP/CC -SCC/HĐGD ngày 15/09/2016, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng có số đăng ký là 12833922 ngày 15/09/2016. Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01C/2020/HĐSĐBS - HĐTC ngày 05 tháng 08 năm 2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng T, số công chứng: 3011, quyển số 08/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 05/08/2020. Giá trị tàu:11.679.140.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra ông Q và bà H còn thực hiện khoản vay liên quan theo Hợp đồng tín

dụng số: 3801 – LAV - 201903133 ngày 16/08/2019. Số tiền vay: 1.950.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn); Số tiền giải ngân thực tế: 1.950.000.000 đồng; Mục đích vay: Kinh doanh hàng hải sản; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất 9,5%; để bảo đảm khoản vay ông Q và bà H đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 302634, số vào sổ cấp GCN: CH02099, do UBND huyện Bố Trạch cấp ngày 01 tháng 06 năm 2017 đứng tên ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H tại xã Hải Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1205/2019/HĐTC ngày 14 tháng 08 năm 2019 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 3634, quyển số 08/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 14/08/2019, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bố Trạch, có số thứ tự 414, quyển số 09 ngày 14/08/2019. Giá trị tài sản 2.600.000.000 đồng. Đến ngày 09/8/2022 ông Q, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ về nợ gốc, lãi cho ngân hàng và hợp đồng đã được tất toán xong. Tuy nhiên căn cứ tiết 4.1.5 và tiết 4.1.6 Khoản 4.1 Điều 4 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1205/2019/HĐTC ngày 14 tháng 08 năm 2019 như sau:

"4.1.5) Được rút tài sản thế chấp khi hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm tại Điều 3 Hợp đồng này và hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm tại Điều 2 Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/67/HĐTC ngày 01 tháng 12 năm 2015 đã ký giữa Agribank chi nhánh huyện Bố Trạch Quảng Bình (nay là Agribank chi nhánh Bắc Quảng Bình) với ông Nguyễn Văn Q – bà Lê Thị H và Điều 2 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67A/HĐSĐBS ngày 15 tháng 09 năm 2016 đã ký giữa Ngân hàng N với ông Nguyễn Văn Q – bà Lê Thị H hoặc khi có thỏa thuận khác, nếu việc giải chấp Tài sản thế chấp không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu, giá trị và khả năng bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của tài sản thế chấp còn lại được Bên A chấp thuận.

4.1.6) Nhận lại giấy tờ về Tài sản thế chấp khi hoàn thành nghĩa vụ được bảo đảm nêu tại điểm 4.1.5 Điều này hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác."

Ngân hàng đã trực tiếp nhiều lần và có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng nêu trên nhưng ông, bà vẫn không trả nợ tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng và liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, Ngân hàng N làm đơn yêu cầu Tòa án giải Q các vấn đề sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ tính đến ngày 16/01/2023 là 7.371.580.993 đồng

trong đó nợ gốc: 6.073.220.000 đồng, tiền lãi 1.298.360.993 đồng, trong đó lãi trong hạn: 1.185.362.294 đồng, lãi quá hạn: 112.998.699 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H trả lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: 01/67/HĐTD ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/HĐSĐBS ngày 05 tháng 06 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67ATC/HĐSĐBS ngày 15 tháng 09 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/HĐSĐBS -TD ngày 10 tháng 06 năm 2019, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01A/2019/HĐSĐBS - TD ngày 09 tháng 12 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01C/2020/HĐSĐBS - HĐTD ngày 05/8/2020 cho đến khi ông Q và bà H trả hết nợ gốc.

3. Yêu cầu Tòa án tuyên, nếu trường hợp ông Q và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngay sau khi Bản án, Q định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H theo các hợp đồng bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/67/HĐTC ngày 01/12/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/67A/HĐSĐBS ngày 15/9/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01C/2020/HĐSĐBS - HĐTC ngày 05/8/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1205/2019/HĐTC ngày 14/8/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu Tòa án tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H trình bày:

Bà H và ông Q thống nhất ông bà tự nguyện vay vốn đóng mới tàu đánh cá theo Nghị định 67 tại Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số: 01/67/HĐTD ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/HĐSĐBS ngày 05 tháng 06 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67ATC/HĐSĐBS ngày 15 tháng 09 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/HĐSĐBS -TD ngày 10 tháng 06 năm 2019, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01A/2019/HĐSĐBS - TD ngày 09 tháng 12 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01C/2020/HĐSĐBS - HĐTD ngày 05 tháng 08 năm 2020, với số tiền vay: 7.875.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Đóng mới tàu cá theo Nghị Định 67/2014/NĐ - CP; thời hạn vay 11 năm (132 tháng); lãi suất 7%/năm, đến nay

ông Q, bà H đã trả được số tiền gốc: 1.755.314.000 đồng, số tiền lãi: 2.083.863.328 đồng, tuy nhiên do ông Q, bà H hiện nay đang gặp khó khăn nên không đủ điều kiện để tiếp tục trả tiền cho Ngân hàng. Ngoài khoản vay này ông Q, bà H còn vay vốn kinh doanh hàng hải sản theo Hợp đồng tín dụng số: 3801 – LAV - 201903133 ngày 16/08/2019. Số tiền vay: 1.950.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn); Số tiền giải ngân thực tế: 1.950.000.000 đồng; Mục đích vay: Kinh doanh hàng hải sản; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất 9,5% để bảo đảm cho khoản vay ông Q, bà H có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 302634, Số vào sổ cấp GCN: CH02099, do UBND huyện Bố Trạch cấp ngày 01 tháng 06 năm 2017, đứng tên ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H, tại xã Hải Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đối với hợp đồng này ông Q, bà H đã thanh toán xong. Tuy nhiên Ngân hàng vẫn chưa trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà H với lý do là để cấn nợ cho khoản vay tại theo Hợp đồng tín dụng số: 01/67/HĐTD ngày 09 tháng 12 năm 2015.

Ông Q, bà H đồng ý trả số tiền gốc 6.096.020.000 đồng, tuy nhiên đối với số tiền lãi ông Q, bà H mong Ngân hàng xem xét giảm lãi cho vì hiện nay ông Q, bà H đang gặp nhiều khó khăn. Đối với yêu cầu "Yêu cầu Tòa án tuyên nếu trường hợp ông Q và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngay sau khi Bản án, Q định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H theo các hợp đồng bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/67/HĐTC ngày 01/12/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/67A/HĐSĐBS ngày 15/9/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01C/2020/HĐSĐBS - HĐTC ngày 05/8/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1205/2019/HĐTC ngày 14/8/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật" ông Q bà H không đồng ý biện pháp thế chấp nhà và đất bảo đảm cho khoản vay theo Nghị định 67 để đóng tàu nói trên, khoản tiền vay thế chấp nhà và đất này ông Q, bà H vay để kinh doanh hàng hải sản và đã trả hết nợ vay cả gốc, lẫn lãi cho Ngân hàng N nên đề nghị Ngân hàng N trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà H. Đối với "Yêu cầu Tòa án tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H" ông Q, bà H không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bổ sung ý kiến:

Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc xử lý tài sản là quyền sử dụng đất của ông Q, bà H vì đây là tài sản bảo đảm cho một khoản vay khác và đã được ông Q, bà H tất toán xong với phía Ngân hàng nên đề nghị trả lại tài sản thế chấp này cho ông Q, bà H, đề nghị được tiếp tục được nhận tàu để sản xuất kinh doanh nhằm tạo thu nhập để trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị xem xét khoản tiền lãi 4% được Nhà nước hỗ trợ, đề nghị xem xét khoản tiền gốc còn lại cho đúng, các hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng do ai soạn thảo, đây có phải là hợp đồng mẫu để Ngân hàng áp dụng chung không.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 302634, số vào sổ cấp GCN: CH02099, do UBND huyện Bố Trạch cấp ngày 01 tháng 06 năm 2017 đứng tên ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H tại xã Hải Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1205/2019/HĐTC ngày 14 tháng 08 năm 2019 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng T, số công chứng: 3634, quyển số 08/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 14/08/2019, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bố Trạch, có số thứ tự 414, quyển số 09 ngày 14/08/2019 hiện nay do ông Q, bà H đang sử dụng và không có tranh chấp với bên thứ ba.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16/01/2023 Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch Q định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 296, 317, 318, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số: 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng N theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng tín dụng đã ký kết số tiền cụ thể tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/01/2023) là 7.371.580.993 đồng trong đó nợ gốc: 6.073.220.000 đồng, tiền lãi 1.298.360.993 đồng (lãi trong hạn: 1.185.362.294 đồng, lãi quá hạn: 112.998.699 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (16/01/2023) ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết

cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Q định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- 01 tàu cá vỏ gỗ công suất 713CV, theo mẫu thiết kế ĐD - QB - 04 - 67 đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60192; số đăng ký QB - 92228 - TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/5/2016 mang tên chủ tàu: Nguyễn Văn Q; nơi thường trú: xã Hải Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Thửa đất số 475, tờ bản đồ số 6, diện tích 222,7m^2 tại xã Hải Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 302634, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02099 ngày 01/6/2017 mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Yêu cầu Tòa án tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật".

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/01/2023, phía bị đơn có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tính lại số tiền gốc và lãi mà bị đơn còn nợ theo quy định của pháp luật; Xác định lãi suất mà bị đơn còn phải cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ; Xác định tài sản đảm bảo theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các bên; Bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 1205/2019/HĐTC ngày 14/8/2019 và buộc nguyên đơn phải giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn; Đề nghị cho phía bị đơn được tiếp tục sử dụng tàu cá là tài sản thế chấp để sản xuất. Bị đơn xin tự nguyện trả nợ hàng tháng. Tại phiên tòa, đại diện của bị đơn rút nội dung kháng cáo về việc đề nghị tiếp tục sử

dụng tàu cá để đảm bảo sản xuất. Đề nghị xem xét lại số tiền nợ gốc theo Q định của bản án vì theo các bút lục 61,59,57 thì thể hiện nợ gốc 6.029.020.000 đồng. Đề nghị tính lãi rõ ràng khoản nào không quá hạn thì hưởng lãi suất ưu đãi theo hợp đồng. Án sơ thẩm tính lãi như vậy là phía bị đơn không được hưởng lãi suất ưu đãi. Đề nghị trả lại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 1205/2019/HĐTC ngày 14/8/2019.

Ý kiến của phía nguyên đơn: Trong quá trình thông báo nợ thì chưa kiểm tra kỹ nên mới có số tiền 6.029.020.000 đồng như trong thông báo ghi. Ngân hàng khẳng định số nợ gốc như trong bản án sơ thẩm Q định là chính xác. Về lãi suất, Ngân hàng đã có bản sao kê. Những khoản nợ trong hạn phía khách hàng trả thì tính lãi ưu đãi theo hợp đồng là 3%/năm, nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ 4%/năm. Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, ngoài bảo đảm cho nghĩa vụ dân sự tại hợp đồng tín dụng số 3801/HĐTD ngày 16/8/2019 thì còn đảm bảo cho nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng vay để đóng tàu. Đây là sự tự nguyện của khách hàng nên mặc dù đã tất toán hợp đồng tín dụng số 3801 nhưng không thể trả lại tài sản theo hợp đồng thế chấp số 1205. Đề nghị Tòa không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật;

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, áp dụng đúng pháp luật để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bị đơn xem xét lại số tiền gốc và lãi phía bị đơn còn nợ theo quy định của pháp luật và lãi suất bị đơn còn phải trả cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ, Hội đồng xét xử thấy:

Cả hai bên đều thừa nhận giữa Ngân hàng N cho ông Q bà H vay số tiền gốc 7.875.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 11 năm kể từ ngày 09/12/2015, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần trước ngày 30 hàng tháng. Trong đó, khách hàng chỉ phải trả lãi 3%/năm, Ngân sách nhà nước hỗ trợ 4%/năm. Thỏa thuận về lãi suất phù hợp Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Theo bảng kê tính lãi vay của Ngân hàng cung cấp thể hiện rõ số lãi Ngân sách nhà nước hỗ trợ và số tiền lãi khách hàng phải trả tương ứng trên dư nợ gốc. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H, ông Q trả được số tiền gốc 1.755.314.000 đồng và lãi 2.083.863.328 đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ

thẩm 16/01/2023, bà H, ông Q còn nợ 7.371.850.993 đồng, trong đó nợ gốc 6.073.220.000 đồng, tiền lãi 1.298.360.993 đồng (lãi trong hạn: 1.185.362.294 đồng, lãi quá hạn: 112.998.699 đồng). Án sơ thẩm xác định số tiền gốc còn lại và số tiền lãi buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng như đã nêu ở trên là có căn cứ.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị đơn về việc xác định lại tài sản bảo đảm theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các bên và bác yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng 1205/2019 và buộc nguyên đơn phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 467, tờ bản đồ số 06, Hội đồng xét xử thấy:

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng vay ký kết ngày 09/2/2015, sửa đổi bổ sung qua các lần ngày 5/6/2016, ngày 15/9/2016, ngày 10/6/2019, ngày 9/12/2019 và ngày 05/8/2020 thì phía người vay đã thế chấp tàu cá số DDK – QB 92228 theo hợp đồng thế chấp số 01/67/HĐTC ngày 01/12/2015, sửa đổi bổ sung ngày 15/9/2016 và ngày 05/8/2020. Ngoài ra, người vay còn thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 06 theo hợp đồng thế chấp số 1205/2019/HĐTC để đảm bảo cho hai khoản vay là vay đóng tàu (Hợp đồng tín dụng số 01/67 ngày 09/12/2015 và vay theo hợp đồng số 3801/HĐTD ngày 16/8/2019. Các hợp đồng thế chấp trên đều được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Vì vậy, xác định tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 01/67/HĐTD ngày 09/12/2015 là tàu cá và quyền sử dụng đất thửa đất số 467, tờ bản đồ số 6 tại xã Hải trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tại tiết 4.1.5 và 4.1.6 khoản 4 Điều 4 hợp đồng thế chấp số 1205/2019/HĐTC ngày 14/8/2019 các bên thỏa thuận: Được rút tài sản khi hoàn thành nghĩa vụ đảm bảo tại Điều 3 Hợp đồng 1205 và Điều 2 Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/67/HĐTC ngày 01/12/2015; được nhận lại tài sản thế chấp khi đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ nêu tại 4.1.5. Như vậy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử thấy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chị án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữa nguyên bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Q, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông bà đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai số 0002685 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3. Các Q định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKS ND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Từ Thị Hải Dương